

Tác động của mở cửa thương mại tới thu nhập của người lao động và vấn đề giảm nghèo tại Việt Nam

Ths. Nguyễn Thị Hải Yến
Ths. Phạm Ngọc Toàn

Nội dung

- Tổng quan tình hình nghiên cứu
- Thực trạng nền kinh tế Việt Nam
- Kết quả nghiên cứu
- Hàm ý chính sách

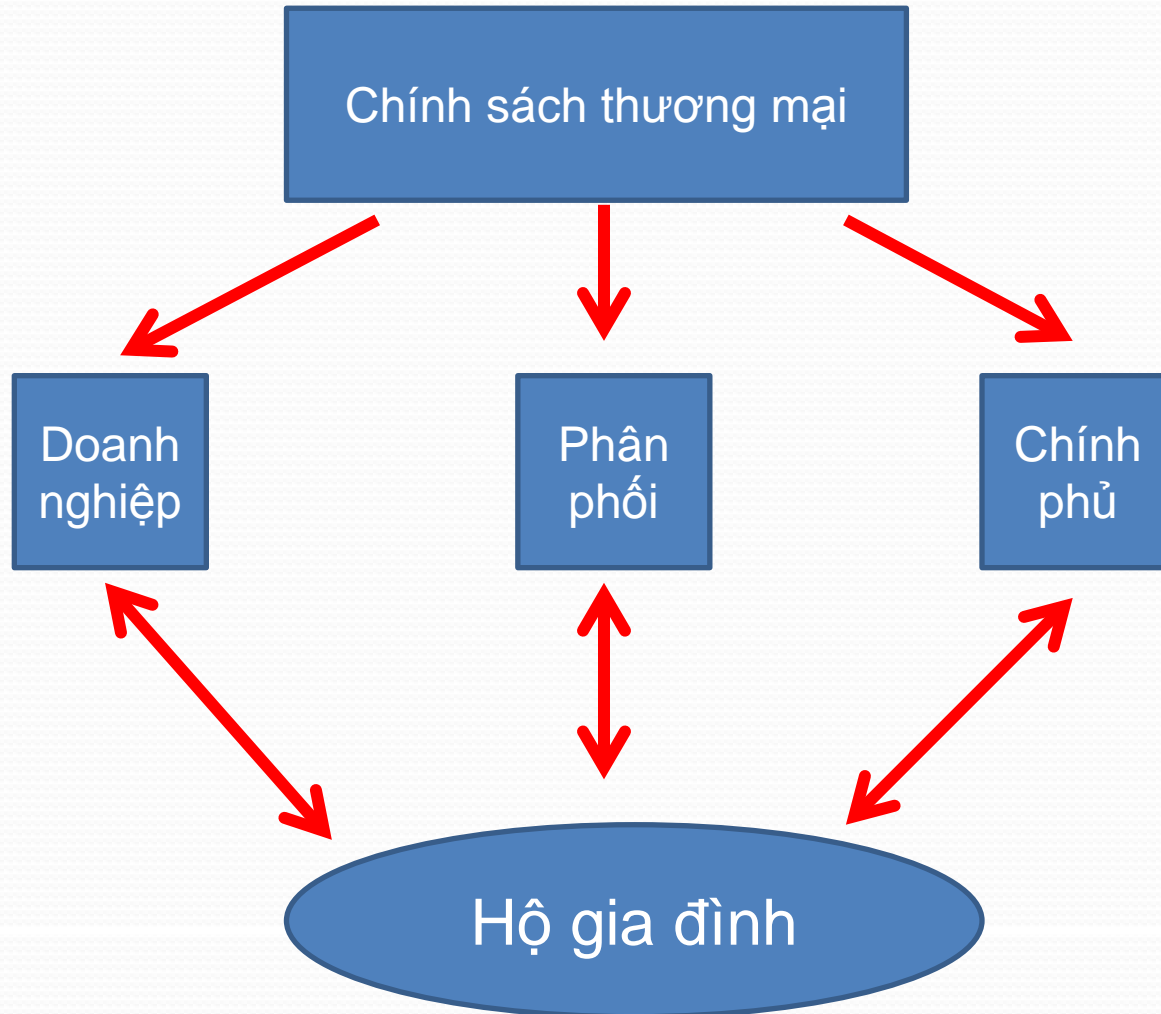
1 Tổng quan tình hình nghiên cứu

- Mô hình lý thuyết
- Nghiên cứu thực nghiệm

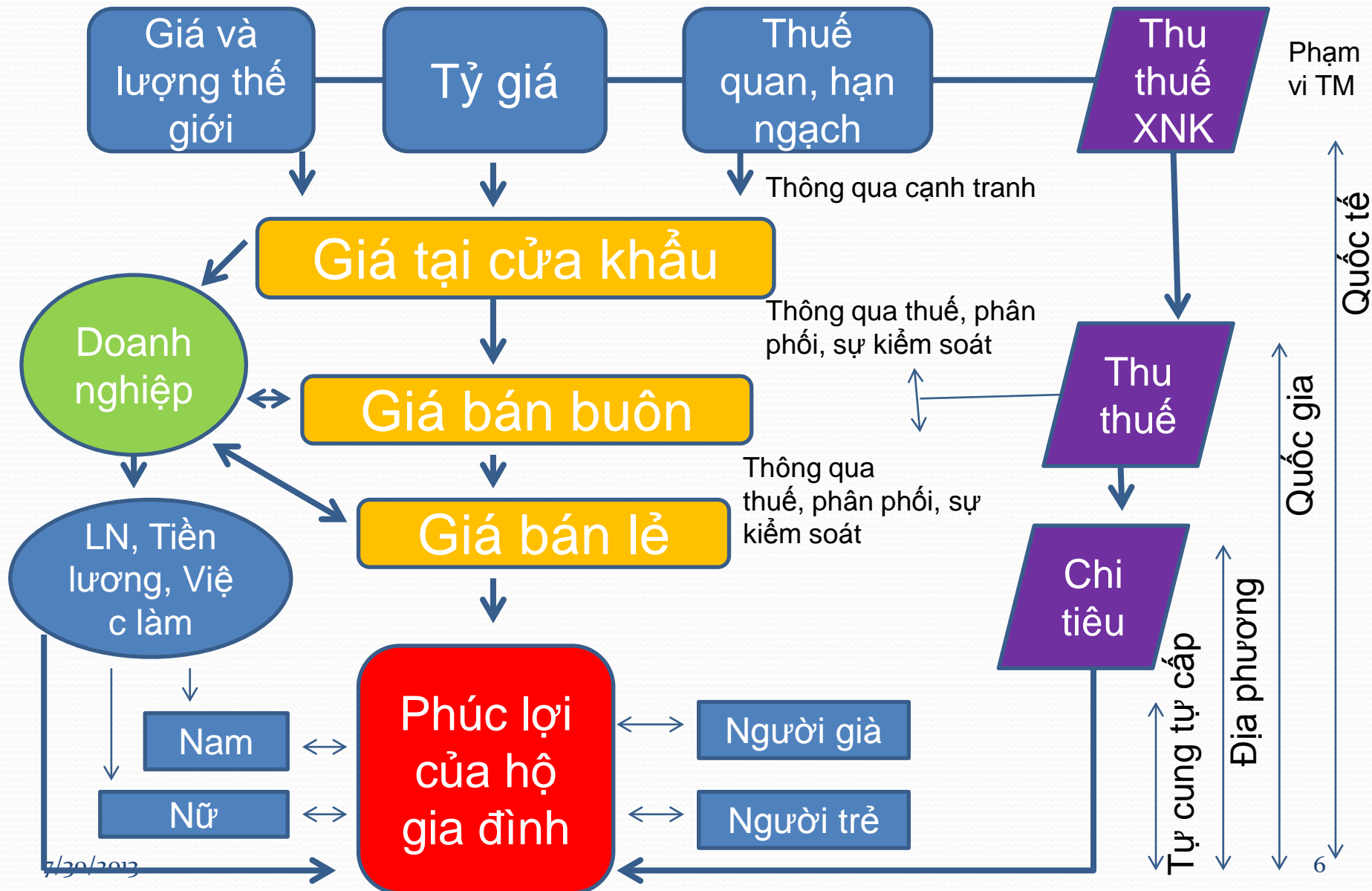
1 Tổng quan tình hình nghiên cứu: Tài liệu tham khảo

- Alan Winters, 2000, *Trade and Poverty: Is There a Connection?* Essay prepared at the request of World Trade Organisation
- Cao Xuan Dung, 2004, *The Impacts of Trade Openness on Growth, Poverty, and Inequality in Vietnam: Evidence from Cross-Province Analysis*, Paper prepared for the 53rd AFSE Congress Paris, 16-17 September 2004
- David Dollar, 2002, *Reform, Growth, and Poverty in Vietnam*, Paper presented at the workshop on “Economic Growth and Household Welfare: Policy Lessons for Vietnam,” Hanoi, May 16-18, 2001.
- Frankel, Jeffrey A. and David Romer, 1999, *Does Trade Cause Growth?* The American Economic Review, (June) 379- 399.
- ILSSA, 2007, *The impact of trade openness on employment and labor income*
- Pham Ngoc Toan, 2012, *Relationship between growth, poverty and inequality in Vietnam 2006-2010*, Journal of Economics and Development.
- Yoko Niimi, Puja Vasudeva-Duta and Alan Winters, 2003, *Trade Liberalisation and Poverty Dynamics in Vietnam*.

1.1 Mô hình lý thuyết: Tác động của chính sách thương mại tới hộ gia đình (Alan, 2000)



1.1 Mô hình lý thuyết: Tác động của chính sách thương mại tới đói nghèo (Alan, 2000)



1.2 Nghiên cứu thực nghiệm

- Frankel và Romer (1999) ước lượng ảnh hưởng của thương mại đối với thu nhập bằng việc sử dụng hồi quy biến công cụ (IV) với số liệu chéo cấp quốc gia để xem xét ảnh hưởng của thương mại và quy mô quốc gia đối với thu nhập bình quân đầu người, sau đó so sánh với kết quả ước lượng bằng phương pháp OLS với cùng phương trình hồi quy.
- Các kết quả thu được:
 - Không có bằng chứng cho thấy có mối tương quan thuận chiều giữa thu nhập và thương mại quốc tế. Nguyên nhân: các nước có thể có thu nhập cao vì nhiều lý do khác ngoài lý do về thương mại
 - Tuy nhiên, ảnh hưởng của thương mại tới thu nhập theo ước lượng IV lớn hơn đáng kể so với ước lượng OLS.
 - Ước lượng điểm cho thấy ảnh hưởng của thương mại tới thu nhập tương đối lớn: 1 điểm phần trăm gia tăng tỷ lệ thương mại/GDP làm thu nhập tăng từ 1.5-2%.
 - Quy mô thương mại gia tăng làm tăng thu nhập.
 - Mức độ ảnh hưởng của thương mại và quy mô quốc gia đối với thu nhập phụ thuộc vào đặc điểm quốc gia, việc chọn mẫu và chọn biến công cụ.
 - Các kết quả ước lượng về ảnh hưởng của thương mại và quy mô quốc gia tới thu nhập không thực sự chính xác → sự không chắc chắn về mức độ ảnh hưởng của thương mại và quy mô quốc gia đối với thu nhập.

1.2 Nghiên cứu thực nghiệm

- Yoko (2003) áp dụng khung lý thuyết của Alan và kết luận:
 1. Khung lý thuyết này có tính thực tế trong việc giải thích mối quan hệ giữa cải cách thương mại và giảm nghèo.
 2. Mặc dù chưa chắc chắn hoàn toàn, nhưng cải cách thương mại của Việt Nam từ 1990s đã góp phần giảm nghèo: Xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đã tăng mạnh mẽ, thu nhập thực tế của người nghèo có xu hướng tăng lên thông qua sự tham gia của họ vào các lĩnh vực công nghiệp nhẹ, gạo và cà phê.
 3. Kết quả nghiên cứu có ý nghĩa cả về mặt thống kê và kinh tế. Mặc dù chưa chắc chắn hoàn toàn, nhưng các biến số thương mại đã được thể hiện trong số liệu thống kê về nghèo đói của các hộ gia đình Việt Nam.

1.2 Nghiên cứu thực nghiệm

- ILLSA (2007) nghiên cứu sự thay đổi mức tiền lương của lao động ở Việt Nam và kết luận:
 1. Hoạt động xuất khẩu tạo thêm nhiều việc làm, chứ chưa làm tăng tiền lương.
 2. Người lao động trong các ngành xuất khẩu có mức lương thấp hơn các ngành không xuất khẩu do các ngành xuất khẩu thường là ngành thâm dụng lao động, công nghệ thấp và có giá trị gia tăng thấp.
 3. Tuy nhiên, mức gia tăng tiền lương trong các ngành xuất khẩu cao hơn các ngành không xuất khẩu → làm giảm khoảng cách về mức lương giữa hai nhóm ngành
 4. Trong các ngành xuất khẩu: khoảng cách về tiền lương giữa lao động có kỹ năng và không có kỹ năng ngày càng tăng.

1.2 Nghiên cứu thực nghiệm

David (2002) thực hiện ước lượng điểm từ hồi quy tăng trưởng số liệu mạng của Việt Nam và kết luận: Trong tốc độ tăng trưởng bình quân của Việt Nam là 7,2%/năm, thì đóng góp của các yếu tố là:

- Tự do hóa thương mại: 1.3 điểm phần trăm;
- Lạm phát chậm: 1.5 điểm phần trăm;
- Cải thiện dịch vụ tài chính: 1.8 điểm phần trăm;
- Cải cách về quyền sở hữu: 2.6 điểm phần trăm

1.2 Nghiên cứu thực nghiệm

Phạm Ngọc Toàn (2012) sử dụng mô hình cân bằng tổng thể (CGE- Computable General Equilibrium) để phân tích ảnh hưởng của tăng trưởng kinh tế, mở cửa thương mại tới nghèo đói và bất bình đẳng tại Việt Nam và kết luận:

- Tăng trưởng có tác động tích cực tới giảm nghèo
- Thực trạng tái phân phối thu nhập có xu hướng làm tăng tỷ lệ nghèo
- Kết quả giảm nghèo có được một phần nhờ các chính sách vĩ mô có tác động tới thu nhập của các hộ gia đình.
- Ở khu vực thành thị, thu nhập của các hộ gia đình tăng lên trước hết là do đóng góp của lao động, tiếp đến là vốn và đất đai.
- Ngược lại, ở khu vực nông thôn, yếu tố đóng góp nhiều là đất đai (hoạt động nông nghiệp); thu nhập từ tiền lương không đáng kể, phản ánh trình độ phát triển thấp của thị trường lao động ở khu vực nông thôn.

1.2 Nghiên cứu thực nghiệm

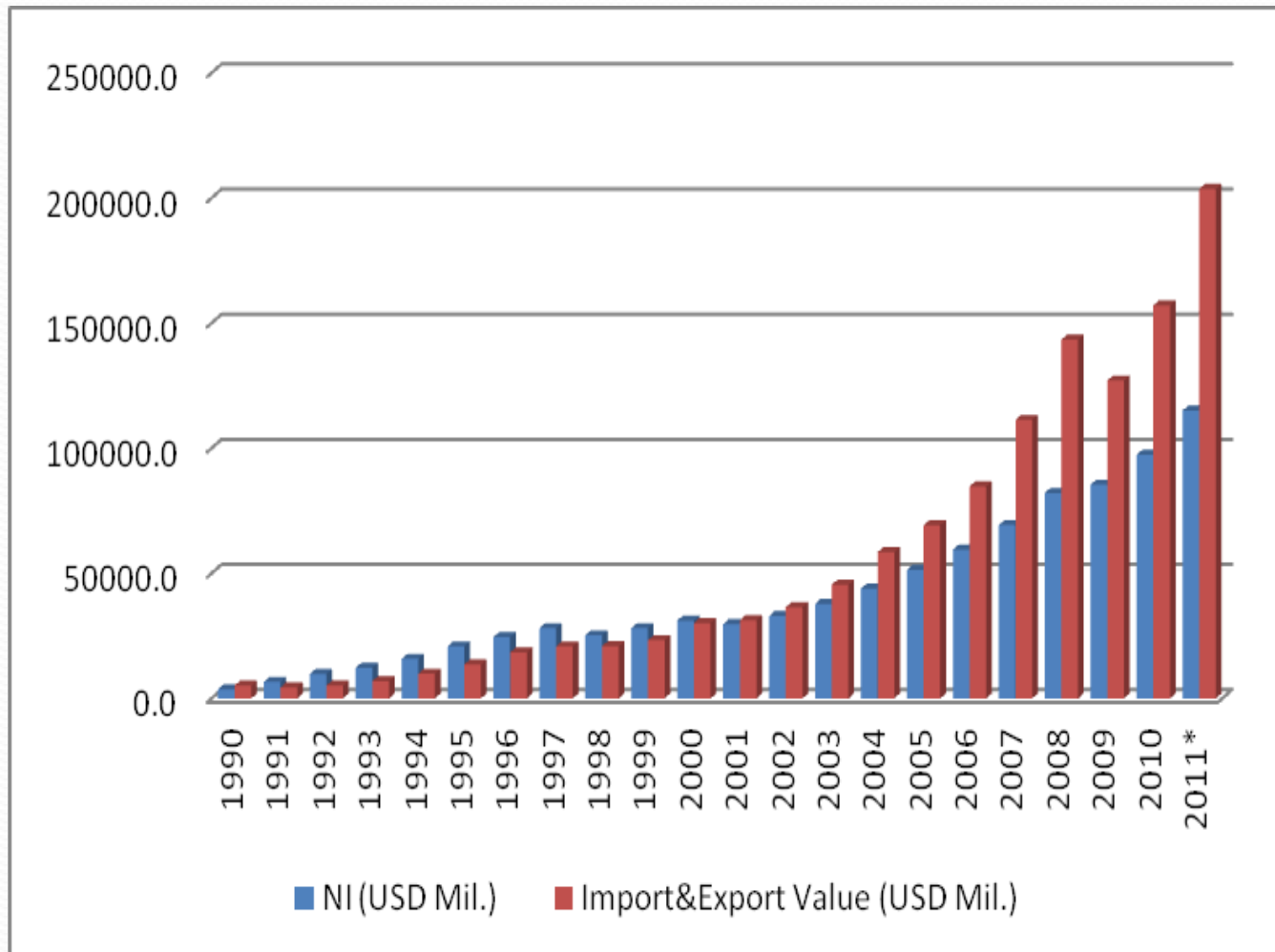
Cao Xuan Dung (2004) xem xét ảnh hưởng của mở cửa thương mại tới tăng trưởng, nghèo đói và bất bình đẳng ở cấp tỉnh của Việt Nam với số liệu từ 1997–2000 và kết luận:

- Mở cửa thương mại một mặt góp phần tích cực đối với tăng trưởng và giảm nghèo, nhưng mặt khác làm tăng khoảng cách thu nhập giữa nhóm giàu nhất và nghèo nhất (theo ngũ phân vị).
- Mối quan hệ giữa mở cửa thương mại và vai trò kinh tế-xã hội của Nhà nước rất quan trọng nhằm phát huy những tác động tích cực của mở cửa thương mại đối với nền kinh tế trong quá trình chuyển đổi.

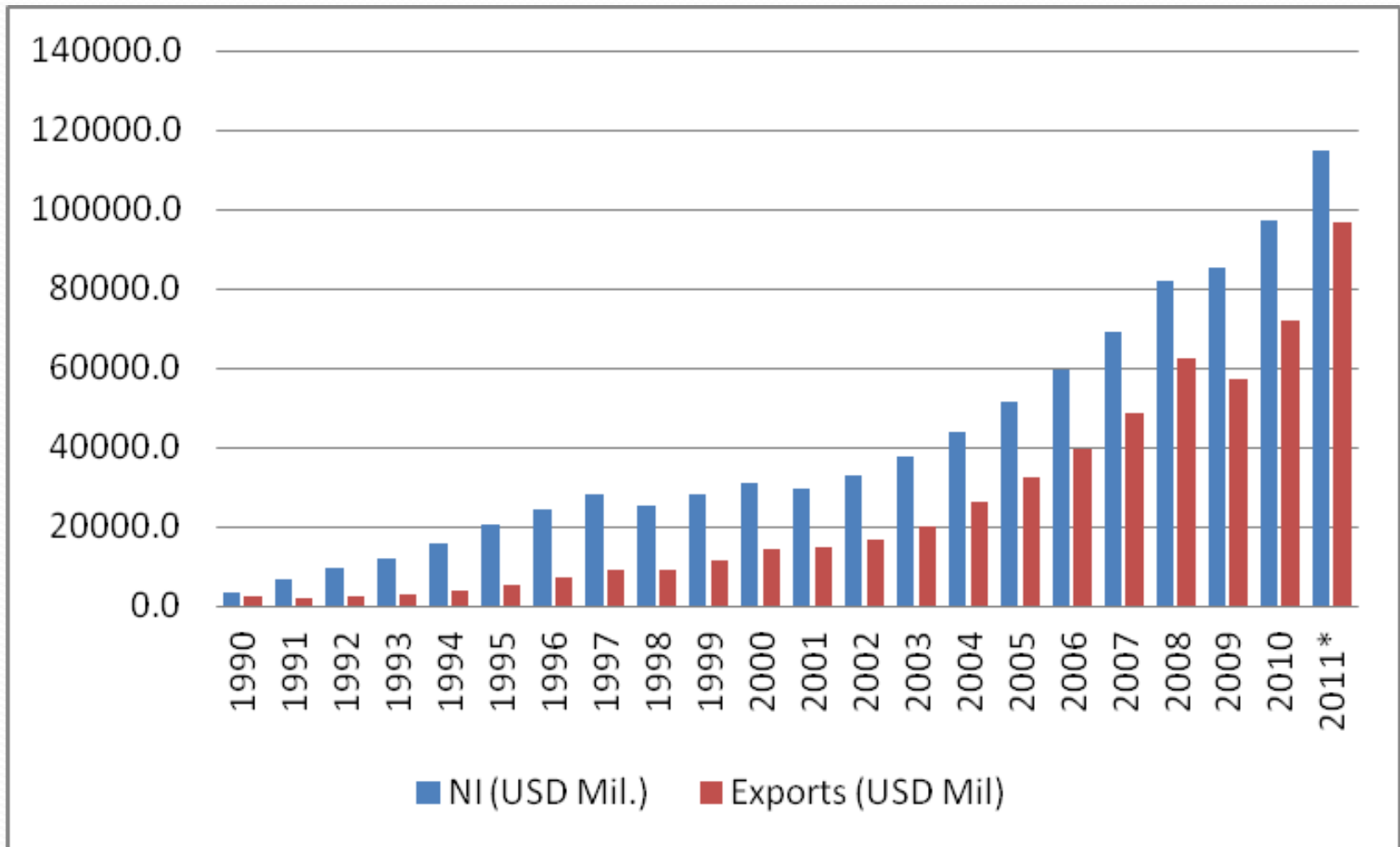
2 Thực trạng nền kinh tế Việt Nam

- Mức độ mở cửa thương mại
- Tiền lương/ Thu nhập
- Nghèo

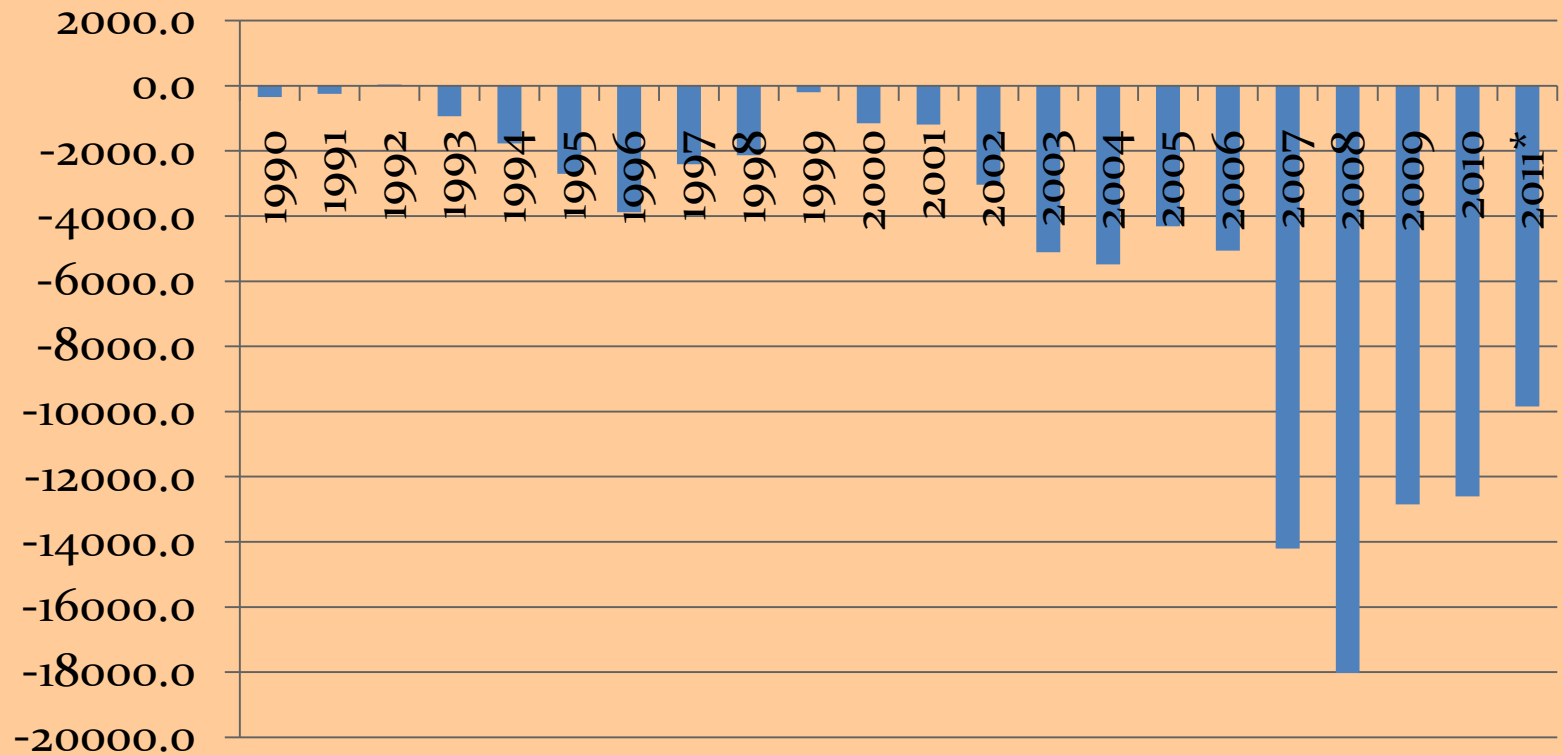
2.1 Mức độ mở cửa thương mại của Việt Nam: Tổng kim ngạch XNK so với Thu nhập quốc gia



2.1 Mức độ mở cửa thương mại của Việt Nam: Kim ngạch XK so với Thu nhập quốc gia



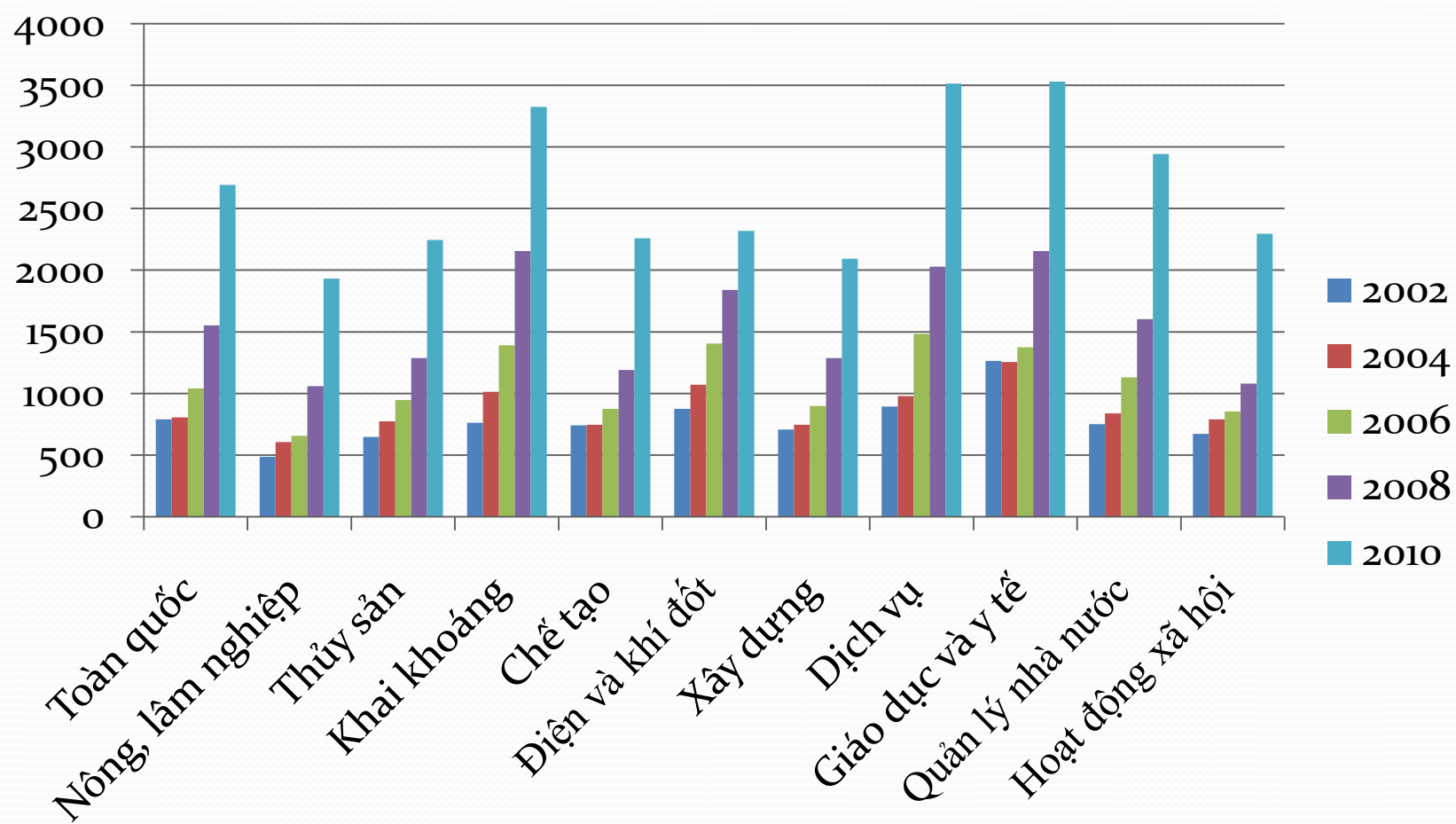
2.1 Mức độ mở cửa thương mại của Việt Nam: Thâm hụt thương mại hàng hóa 1990-2011 (tr USD)



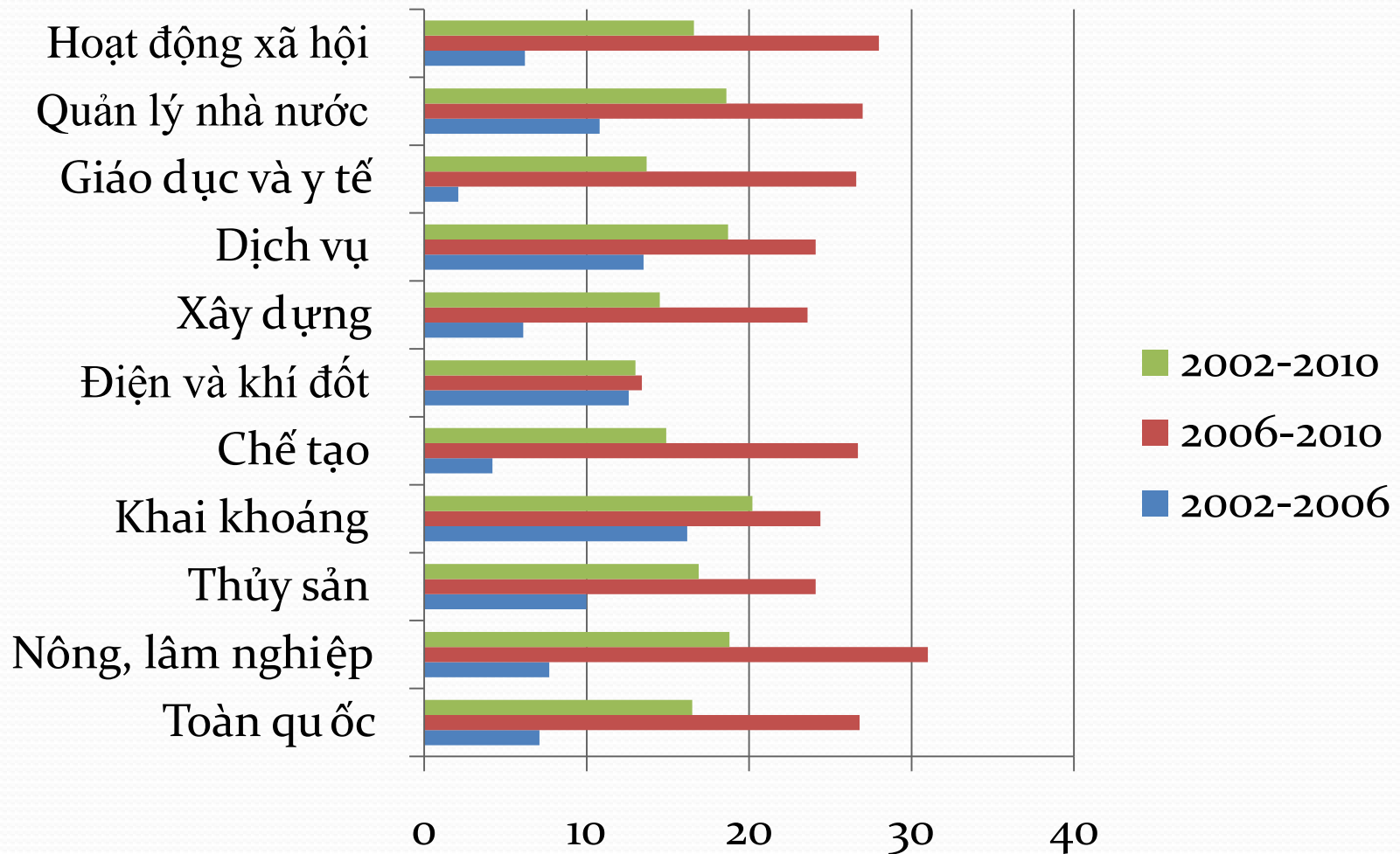
2.2 Thực trạng tiền lương theo ngành

	Mức lương tháng (VND '000)					Tốc độ tăng lương hàng năm (%)		
	2002	2004	2006	2008	2010	2002-2006	2006-2010	2002-2010
Toàn quốc	791	806	1.042	1.552	2.691	7,1	26,8	16,5
Nông, lâm nghiệp	487	606	656	1.060	1.931	7,7	31,0	18,8
Thủy sản	646	774	947	1.287	2.246	10,0	24,1	16,9
Khai khoáng	763	1.013	1.390	2.156	3.326	16,2	24,4	20,2
Chế tạo	742	747	876	1.190	2.260	4,2	26,7	14,9
Điện và khí đốt	874	1.071	1.404	1.841	2.320	12,6	13,4	13,0
Xây dựng	708	745	898	1.288	2.094	6,1	23,6	14,5
Dịch vụ	894	979	1.482	2.028	3.513	13,5	24,1	18,7
Giáo dục và y tế	1.265	1.255	1.375	2.155	3.531	2,1	26,6	13,7
Quản lý nhà nước	751	839	1.130	1.603	2.944	10,8	27,0	18,6
Hoạt động xã hội	673	790	855	1.079	2.295	6,2	28,0	16,6

2.2 Mức lương tháng theo ngành 2002-2010 ('000 VNĐ)



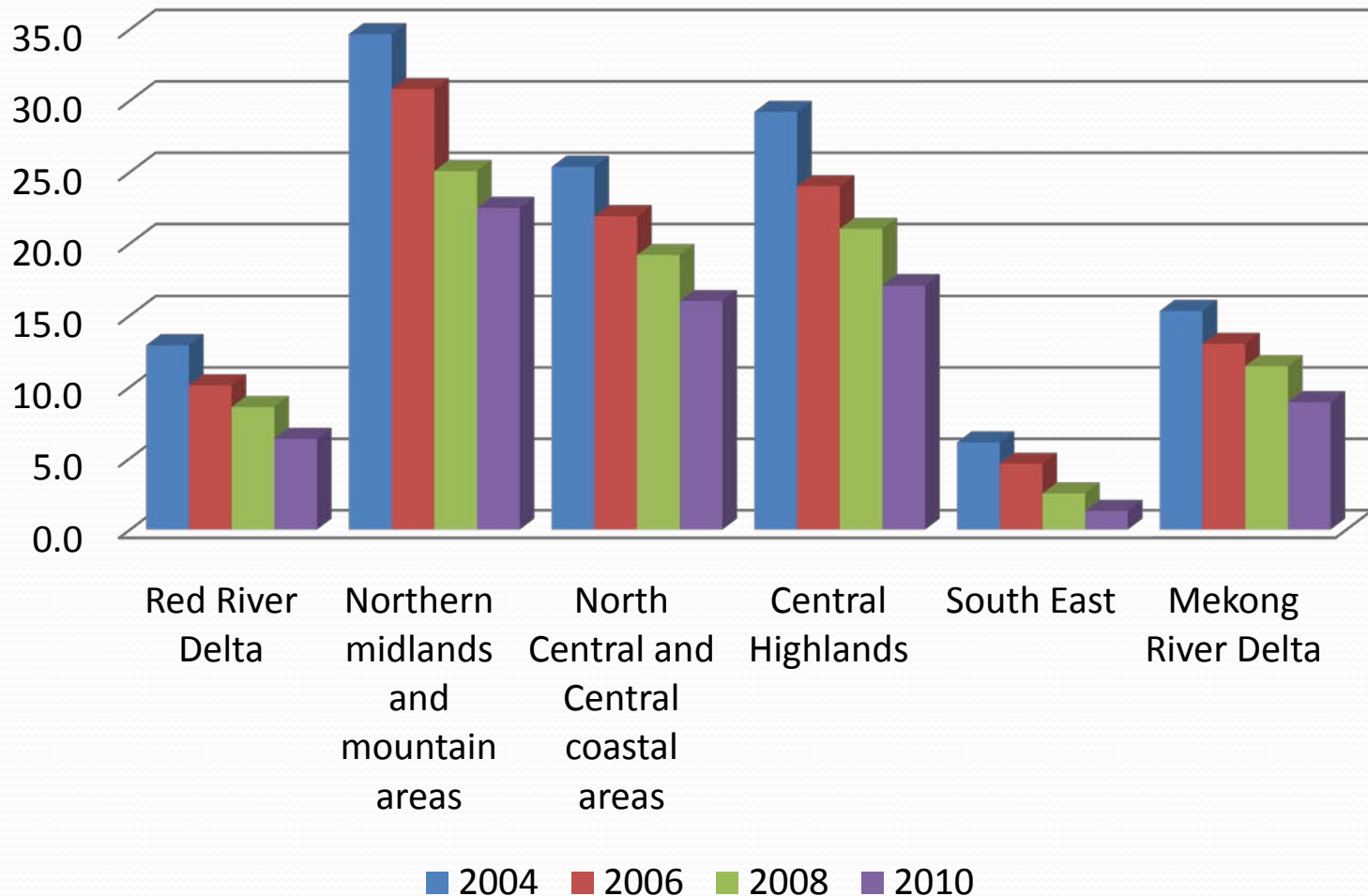
2.2 Tốc độ gia tăng tiền lương hàng năm (%)



3.1 Tỷ lệ nghèo của Việt Nam (%)

	2004	2006	2008	2010
Toàn quốc	18.1	15.5	13.4	10.7
Thành thị	8.6	7.7	6.7	5.1
Nông thôn	21.2	18.0	16.1	13.2

3.2 Tỷ lệ nghèo theo vùng (%)



3.3 Nghèo đa chiều (MPI, UNDP)

- Năm 2008, toàn quốc: 23.3%
- Đồng bằng sông Mê-công: 50%
- Trung du và miền núi phía Bắc: 40%
- Tỉnh Lai Châu, Điện Biên, Hà Giang: trên 73%.
- 12 tỉnh khác: trên 50%

3 Kết quả nghiên cứu

- Cơ sở dữ liệu
- Tác động của mở cửa thương mại tới tiền lương của người lao động
- Tác động của mở cửa thương mại tới tỷ lệ nghèo
- Tác động của mở cửa thương mại tới nghèo đa chiều

Cơ sở dữ liệu

- VHLSS: 2 năm/lần; nhân khẩu học của hộ gia đình (tuổi tác, giới tính, tình trạng hôn nhân, dân tộc); thu nhập của hộ gia đình (mức thu nhập và nguồn thu nhập); trình độ giáo dục, kỹ năng, tình trạng việc làm của thành viên hộ gia đình
- Tổng điều tra doanh nghiệp Việt Nam (EC): hàng năm của GSO, độ mở thương mại tính bằng tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp so với tổng giá trị gia tăng của doanh nghiệp, XK/VA.
- Kết nối độ mở thương mại từ cơ sở dữ liệu EC sang VHLSS bằng cách chuyển từ cấp độ doanh nghiệp sang cấp độ ngành (theo mã ngành từ 1-99 của GSO, VISIC 2006) với giả định: lao động trong cùng một ngành có cùng mức ảnh hưởng từ mở cửa thương mại.
- GDP, vốn đầu tư, tỷ lệ nghèo ở cấp tỉnh của GSO và MPI (cấp tỉnh) của UNDP.

3.1 Tác động của mở cửa thương mại tới tiền lương của người lao động

- Phương trình của mô hình: Mở rộng mô hình của Mincer: $\text{LnMwage}_i = a_0 + a_1 \text{schooling}_i + a_2 \text{schooling}_i^2 + a_3 \text{experience}_i + a_4 \text{experience}_i^2 + a_5 \text{gender}_i + a_6 \text{urban}_i + a_7 \text{indus}_i + a_8 \text{indus}_i * \text{openness}_i + a_9 \text{openness}_i + u_i$
- Số liệu sử dụng:
 - VHLSS (Các thông tin về đặc điểm người lao động, giáo dục, việc làm, thu nhập,...)
 - EC (Số liệu tổng điều tra doanh nghiệp VN: Đặc điểm doanh nghiệp, ngành, VA, Giá trị XK, NK,...)
 - Tính độ mở cửa từ các DN trong các ngành từ EC
 - Giả định người lao động trong cùng một ngành sẽ có cùng mức ảnh hưởng từ mở cửa
 - Kết nối biến mở cửa từ EC sang VHLSS

Kết quả...

	Ln(Mwage)	Coef.	Std. Err.	t	P>t
Variables					
Number of years of schooling	Yrsch	-0.016	0.006	-2.480	0.013
Square of number of years of schooling	yrsch2	0.003	0.000	13.350	0.000
Number of experience years	Exp	-0.006	0.001	-4.560	0.000
Interactive variable	yrs_exp	0.001	0.000	5.570	0.000
Interactive variable	yrs_gender	-0.014	0.003	-5.240	0.000
Gender	Gender	0.364	0.033	11.100	0.000
Area	Urban	0.232	0.015	15.020	0.000
Manufacturing	D_ind2	0.014	0.109	0.130	0.898
Construction	D_ind3	0.010	0.110	0.090	0.930
Services	D_ind4	-0.154	0.108	-1.420	0.156
Manufacturing*exports	D_ind2export	0.158	0.057	2.760	0.006
Construction*exports	D_ind3export	0.516	0.185	2.790	0.005
Service*exports	D_ind4export	0.170	0.057	2.970	0.003
Exports/ VA	Export	-0.1582	0.057	-2.770	0.006
	<u>_cons</u>	7.163	0.117	61.140	0.000

Kết quả...

- Kết quả ước lượng cho thấy hầu hết các hệ số ước lượng được đều có ý nghĩa thống kê ở mức $\alpha=5\%$, ngoại trừ biến giả cho 3 ngành CN, XD và dịch vụ.
- Tác động của số năm đi học: Cho thấy việc nâng cao trình độ sẽ làm tăng thu nhập
- Tiền lương của nam cao hơn nữ
- Tác động của hoạt động xuất khẩu được tính thông qua đạo hàm của hàm $\ln(\text{mwage})$ theo xuất khẩu (export)
- $E2 = -0.1582 + 0.170 \cdot DV + 0.516 \cdot \text{Xây dựng} + 0.158 \cdot \text{Công nghiệp}$.
- Tác động của hoạt động xuất khẩu đến thu nhập người lao động là âm, nghĩa là làm giảm thu nhập của người lao động. Điều này có thể giải thích do ảnh hưởng nền kinh tế thế giới đã tác động đến các ngành tham gia xuất khẩu của Việt Nam, các doanh nghiệp càng hội nhập sâu rộng thì càng ảnh hưởng

Kết quả...

- Tác động của hoạt động xuất khẩu đến ngành công nghiệp = $0,158 - 0,1582 = -0,0002$
- Nguyên nhân: Xuất khẩu của ngành công nghiệp, chủ yếu thuộc nhóm công nghiệp chế biến và phụ thuộc nhiều vào thị trường thế giới, bị ảnh hưởng tiêu cực của suy thoái kinh tế toàn cầu trong năm 2010 nên doanh thu giảm, lợi nhuận giảm → tiền lương/thu nhập của lao động giảm

Kết quả...

- Tác động của hoạt động xuất khẩu lên ngành dịch vụ = $0.170 - 0.158 = 0.012$
- Nguyên nhân: Xuất khẩu dịch vụ của Việt Nam chủ yếu thuộc về lĩnh vực du lịch (xuất khẩu tại chỗ). Suy thoái kinh tế khiến nhiều khách hàng lựa chọn các quốc gia có chi phí rẻ, an toàn là điểm đến để hưởng các dịch vụ du lịch → Việt Nam là một sự lựa chọn → Mở cửa thương mại làm tăng thu nhập trong ngành dịch vụ.

3.2 Tác động của mở cửa thương mại đến tỷ lệ nghèo ở Việt nam

- Do giới hạn về thời gian và dữ liệu nên nghiên cứu này sử dụng mô hình phân tích định lượng để mô phỏng (các tác giả khác có thể sử dụng cả mô hình CGE để xem xét).
- Dạng hàm hồi quy: $Y_i = \alpha_0 + \alpha_1 \text{Openness}_i + \alpha_2 X_i + u_i$
 - Y: Tỷ lệ nghèo hoặc chỉ số nghèo đa chiều;
 - X: là biến kiểm soát mà ảnh hưởng đến Y;
 - Openness (Độ mở cửa): được xác định là tỷ số giữa tổng kim ngạch xuất nhập khẩu so với GDP của tỉnh
- Số liệu sử dụng: VHLSS, EC, Số liệu thống kê của GSO

3.2 Tác động của mở cửa thương mại tới tỷ lệ nghèo

Poverty rate	EQ1	EQ2	EQ3	EQ4
LnGDP	-5.816***	-3.318***		
	[1.084]	[1.190]		
Literacy rate	-0.785***		-0.930***	
	[0.139]		[0.138]	
Openness	-18.634***	-13.345**	-18.288**	-13.073*
	[6.958]	[6.509]	[7.461]	[6.800]
HDI		-1.643***		-1.872***
		[0.238]		[0.225]
LnCapital			-3.074***	-1.265*
			[0.710]	[0.742]
Constant	143.499** *	164.075** *	158.045** *	172.334***
	[11.047]	[11.794]	[13.217]	[12.528]
Observations	63	63	63	63
R-squared	0.74	0.78	0.71	0.76
Standard errors in brackets				

* significant at 10%; ** significant at 5%; *** significant at 1%

3.2 Kết quả

- R^2 khá cao (0.71-0.78): các biến độc lập giải thích khá tốt cho biến phụ thuộc
- Các hệ số ước lượng được có ý nghĩa thống kê
- Cả 4 mô hình đều cho thấy: Mở cửa có tác động tích cực đến giảm nghèo tại Việt Nam
- EQ1 và EQ2 → Tăng trưởng có tác động tích cực đến giảm nghèo
- EQ1 và EQ3 → Giáo dục và đào tạo có tác động tích cực tới giảm nghèo: tỷ lệ biết chữ tăng 1 điểm phần trăm → tỷ lệ nghèo giảm tương ứng là 0.785 điểm phần trăm (EQ1) và 0.93 điểm phần trăm (EQ3)
- EQ2 và EQ4 → HDI có tác động tích cực đến giảm nghèo
- EQ3 và EQ4 → Đầu tư có tác động tích cực đến giảm nghèo

3.3 Tác động của mở cửa thương mại tới nghèo đa chiều

- Hàm số hồi quy:

$$MPI = \alpha_0 + \alpha_1 Lnttrade + \alpha_2 Skillratio$$

- Kết quả:
 - $R^2 = 0.8059$ → biến độc lập giải thích tốt cho biến phụ thuộc và các hệ số có ý nghĩa thống kê.
 - Mặc dù hệ số ảnh hưởng của mở cửa thương mại (Lnttrade) và tỷ lệ lao động có kỹ năng (skillratio) không lớn (tương ứng là $\alpha_1 = -0.011$ và $\alpha_2 = -0.007$), nhưng vẫn phản ánh tác động tích cực của hai nhân tố này đối với nghèo đa chiều.

3.3 Tác động của mở cửa thương mại tới nghèo đa chiều

Source	SS	df	MS	Number of obs	63
				F(2, 60)	124.55
Model	0.49598	2	.24799134	Prob > F	0
Residual	0.11946	60	.0019910	R-squared	0.8059
				Adj R-squared	0.7994
Total	0.61545	62	.0099265	Root MSE	0.04462

MPI	Coef.	Std. Err.	t	P>t	[95% Conf. Interval]
Intrade	-0.011	.00271	-3.87	0.000	-0.016 -0.005
skillratio	-0.007	.00060	-11.56	0.000	-0.008 -0.006
__cons	0.709	.03843	18.45	0.000	0.632 0.786

4 Kết luận và hàm ý chính sách

- Mở cửa thương mại có xu hướng làm giảm tiền lương của người lao động trong bối cảnh suy thoái kinh tế thế giới, nhưng có tác động tích cực tới giảm nghèo về thu nhập và nghèo đa chiều
- Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực là cần thiết để nâng cao kỹ năng cho người lao động, góp phần tích cực cho công cuộc giảm nghèo.
- Tăng cường đầu tư và đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế đóng góp tích cực cho việc giảm nghèo.
- Nâng cao trình độ phát triển con người đóng góp tích cực đối với giảm nghèo.

Tài liệu tham khảo

- Alan Winters, 2000, *Trade and Poverty: Is There a Connection?* Essay prepared at the request of World Trade Organisation
- Cao Xuan Dung, 2004, *The Impacts of Trade Openness on Growth, Poverty, and Inequality in Vietnam: Evidence from Cross-Province Analysis*, Paper prepared for the 53rd AFSE Congress Paris, 16-17 September 2004
- Dan Ben-David, Håkan Nordström and Alan Winters, 1999, *Trade, Income Disparity and Poverty*, Special Studies, World Trade Organisation.
- David Dollar, 2002, *Reform, Growth, and Poverty in Vietnam*, Paper presented at the workshop on “Economic Growth and Household Welfare: Policy Lessons for Vietnam,” Hanoi, May 16-18, 2001.
- Frankel, Jeffrey A. and David Romer, 1999, *Does Trade Cause Growth?* The American Economic Review, (June) 379- 399.
- ILSSA, 2007, *The impact of trade openness on employment and labor income*
- Pham Ngoc Toan, 2012, *Relationship between growth, poverty and inequality in Vietnam 2006-2010*, Journal of Economics and Development.
- Yoko Niimi, Puja Vasudeva-Duta and Alan Winters, 2003, *Trade Liberalisation and Poverty Dynamics in Vietnam*.